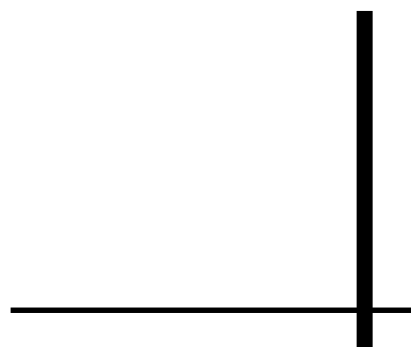


SAVICO

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
TỔNG HỢP SÀI GÒN**

***BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÍ 4/2008***





**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
TỔNG HỢP SÀI GÒN**

SAVICO 68 NAM KỲ KHỞI NGHĨA, QUẬN 1, TP.HCM

Mẫu số B 01 – DN/HN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2008

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	12/31/2008	1/1/2008
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		376.296.789.663	423.494.534.471
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		49.005.891.009	94.454.245.087
1. Tiền	111	D1	49.005.891.009	94.454.245.087
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	D2	43.926.878.944	83.920.083.900
1. Đầu tư ngắn hạn	121		64.455.820.552	86.030.933.900
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(20.528.941.608)	(2.110.850.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		197.358.105.090	168.222.252.312
1. Phải thu khách hàng	131		51.437.129.170	44.231.645.637
2. Trả trước cho người bán	132	D3.1	124.275.400.502	81.614.032.839
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		212.183.077	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	
5. Các khoản phải thu khác	135	D3	22.729.931.702	45.462.330.372
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.296.539.361)	(3.085.756.536)
IV. Hàng tồn kho	140		74.727.629.357	62.220.950.801
1. Hàng tồn kho	141	D4	78.693.461.444	64.450.774.063
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.965.832.087)	(2.229.823.262)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.278.285.263	14.677.002.371
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.530.568.090	1.670.026.643
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.279.540.655	2.954.739.758
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	D5	12.103.773	415.639.409
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		7.456.072.745	9.636.596.561
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		983.531.637.703	650.047.993.485
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		37.311.656.833	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	D6	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	D7	37.311.656.833	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	
II. Tài sản cố định	220		335.550.335.949	154.615.703.528
1. Tài sản cố định hữu hình	221	D8	20.603.273.930	23.846.253.759
- Nguyên giá	222		45.234.192.891	47.667.264.677
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.630.918.961)	(23.821.010.918)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	D9	-	-
- Nguyên giá	225		-	
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	
3. Tài sản cố định vô hình	227	D10	49.448.819.760	2.526.106.264
- Nguyên giá	228		51.800.519.660	4.599.926.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.351.699.900)	(2.073.819.736)

4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	D11	265.498.242.259	128.243.343.505
III. Bất động sản đầu tư	240		39.468.635.305	23.892.638.328
- Nguyên giá	241	D12	51.787.844.676	32.579.047.545
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(12.319.209.371)	(8.686.409.217)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		559.636.806.317	465.705.986.356
1. Đầu tư vào công ty con	251	D13	-	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	D14	225.284.853.611	63.531.680.896
3. Đầu tư dài hạn khác	258	D15	434.948.027.123	403.656.067.142
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(100.596.074.417)	(1.481.761.682)
V. Lợi thế thương mại	260			
VI. Tài sản dài hạn khác	270		11.564.203.299	5.833.665.273
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	D16	2.064.964.631	1.221.084.081
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	D23	3.019.928.447	1.906.001.721
3. Tài sản dài hạn khác	268		6.479.310.221	2.706.579.471
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.359.828.427.366	1.073.542.527.956
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	12/31/2008	1/1/2008
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		794.316.850.895	669.451.985.169
I. Nợ ngắn hạn	310		303.797.768.475	649.338.561.804
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	D17	115.383.118.260	480.187.553.177
2. Phải trả người bán	312		43.942.812.833	35.285.530.286
3. Người mua trả tiền trước	313		15.942.740.515	34.700.630.390
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	D18	13.965.760.332	7.876.857.540
5. Phải trả người lao động	315		34.222.293.307	41.347.829.563
6. Chi phí phải trả	316	D19	11.643.454.137	7.876.907.677
7. Phải trả nội bộ	317		-	
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	D20	68.697.589.091	42.063.253.171
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	
II. Nợ dài hạn	330		490.519.082.420	20.113.423.365
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	D21	139.152.777.192	6.853.744.660
4. Vay và nợ dài hạn	334	D22	351.136.521.879	8.987.300.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	3.256.997.658
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	III.11	229.783.349	1.015.381.047
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		485.261.864.195	358.439.649.795
I. Vốn chủ sở hữu	410	D24	478.238.197.305	355.019.457.174
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		203.610.400.000	148.734.100.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		180.876.300.000	120.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(3.544.746.277)	(2.801.612.500)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		7.821.534	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		15.835.071.002	12.098.543.923
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		6.263.888.158	3.371.905.229
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		75.189.462.888	73.616.520.522

11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		7.023.666.890	3.420.192.621
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		7.023.666.890	3.420.192.621
2. Nguồn kinh phí	432	D25	-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C Lợi ích cổ đông thiểu số	500		80.249.712.276	45.650.892.992
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	510		1.359.828.427.366	1.073.542.527.956

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU		Thuyết minh	Cuối quý	Đầu quý
1. Tài sản thuê ngoài		D26	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	134.489.961
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	
5. Ngoại tệ các loại:				
USD			1.289.924	1.156.147
EUR			39	39
JPY			-	
AUD			-	
SGD			-	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	

Người lập

Kế toán trưởng

Ngày 20 tháng 01 năm 2009

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Phong

Hoàng Thị Thảo

Nguyễn Vĩnh Thọ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2008

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV/2008	Quý IV/2007	Lũy kế 2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	D27	524.496.938.121	751.127.205.137	2.211.004.909.620
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.320.204.269	383.568.000	3.486.460.509
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		523.176.733.852	750.743.637.137	2.207.518.449.111
4. Giá vốn hàng bán	11	D28	473.759.063.456	710.120.142.818	2.035.876.877.647
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		49.417.670.396	40.623.494.319	171.641.571.464
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	D29	39.676.516.526	24.541.773.991	79.584.282.774
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	D30	142.200.627.150	11.215.832.844	198.697.034.550
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		24.044.462.092	6.375.267.457	63.198.425.563
8. Chi phí bán hàng	24		20.985.841.305	17.856.748.622	57.605.342.989
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14.031.565.904	22.629.082.986	52.203.280.719
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(88.123.847.437)	13.463.603.858	(57.279.804.020)
11. Thu nhập khác	31	D31	110.747.136.102	3.597.974.841	115.474.192.803
12. Chi phí khác	32	D32	4.466.604.066	991.275.867	5.828.944.199
13. Lợi nhuận khác	40		106.280.532.036	2.606.698.974	109.645.248.604
14. Thu nhập/(lỗ) từ công ty liên kết, liên doanh	50		3.363.752.332	4.328.327.610	14.610.453.856
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		21.520.436.931	20.398.630.442	66.975.898.440
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61		8.827.518.390	4.218.196.749	19.930.895.273
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62	D33	3.310.421.125	(728.647.809)	(1.090.819.090)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		9.382.497.416	16.909.081.502	48.135.822.257
19. Thu nhập thuộc các cổ đông thiểu số	71		901.719.654	3.442.541.699	17.628.655.996
20. Thu nhập thuộc các cổ đông của công ty mẹ	72		8.480.777.762	13.466.539.803	30.507.166.260
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	D34	421	918	1.705

Người lập

Kế toán trưởng

Ngày 20 tháng 01 năm 2009
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Phong

Hoàng Thị Thảo

Nguyễn Vĩnh Thọ



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Phương pháp gián tiếp)

Quý IV năm 2008

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV/2008	Quý IV/2007
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		21.520.436.931	16.070.302.832
2. Điều chỉnh cho các khoản			-	-
- Khấu hao TSCĐ	02		624.710.045	4.094.768.980
- Các khoản dự phòng	03		117.205.371.733	4.155.365.713
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(30.106.572.664)	(24.172.233.931)
- Chi phí lãi vay	06		24.044.462.092	6.375.267.457
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		133.288.408.137	6.523.471.051
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		105.379.038.694	(12.678.911.490)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		8.952.555.601	9.759.338.112
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		50.125.984.863	30.245.149.559
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(636.688.630)	(82.706.462)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(21.522.679.197)	(7.047.358.425)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(3.159.747.910)	(2.325.847.295)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		500.446.667	409.494.396
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(267.625.072)	(2.096.554.702)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		272.659.693.153	22.706.074.744
			-	-
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(12.348.801.826)	(21.867.890.709)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		545.454.540	348.327.683
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(48.150.092.900)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	11.752.140.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(191.610.832.952)	(144.130.658.424)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		23.353.320.657	48.982.150.826
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.796.873.745	1.458.332.887
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(175.263.985.836)	(151.607.690.637)
			-	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(466.871.389)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		267.292.034.136	405.713.854.757
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(342.581.306.710)	(197.417.522.118)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.453.171.500)	(10.048.276.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(86.209.315.463)	198.248.056.639
			-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		11.186.391.854	69.346.440.746
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		37.819.499.155	24.041.301.594
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		49.005.891.009	93.387.742.340

Người lập

Kế toán trưởng

Ngày 20 tháng 01 năm 2009

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Phong

Hoàng Thị Thảo
BCLCTTHN

Nguyễn Vĩnh Thọ



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2008

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Vốn góp cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại dịch vụ - Bất động sản –Đầu tư tài chính
- 3. Ngành nghề kinh doanh** :
 - Thương mại dịch vụ.
 - Mua bán nông, lâm, hải sản, lương thực, thực phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, tiểu thủ công nghiệp, hàng may mặc, giày dép.
 - Mua bán xe ô tô, gắn máy các loại, linh kiện phụ tùng.
 - Mua bán hàng điện lạnh, kim khí điện máy.
 - Bất động sản
 - Đầu tư tài chính.

4. Số lượng các Công ty con được hợp nhất Báo cáo tài chính gồm:

1. Công ty TNHH Đông Đô Thành:
 - Địa chỉ: 655 Xa Lộ Hà Nội, Quận 2, Tp.HCM
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 55%
2. Công Ty TNHH Sài Gòn Ô tô.
 - Địa chỉ: 61A Cao Thắng, Quận 03, Tp.HCM
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 52,05%
3. Công Ty TNHH Dịch Vụ và Thương Mại Tự Động SAVICO.
 - Địa chỉ: 83D Bùi Thị Xuân, Quận 1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 99%
4. Công Ty Liên Doanh TOYOTA Giải Phóng.
 - Địa chỉ: 807 Giải Phóng, Quận Hoàng Mai, Tp.Hà Nội
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 51%
5. Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Sài Gòn.
 - Địa chỉ: 164-166C Đường 3/2, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 93,33%
6. Công Ty Cổ Phần Sài Gòn Ngôi Sao.
 - Địa chỉ: 12-14-16 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 51%
7. Công Ty Cổ Phần Savico Hà Nội.
 - Địa chỉ: A16A, 40 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Tp.Hà Nội.
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 70%
8. Công Ty TNHH Ô tô TOYOTA Cần Thơ.
 - Địa chỉ: 71 Hùng Vương, P.Thới Bình, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ.
 - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ là: 51%

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Số lượng các Công ty liên kết có vốn đầu tư của SAVICO:

1. Công Ty TNHH ComfortDelgro Savico Taxi.
 - Địa chỉ: 325 Hồ Văn Huê, P.2, Quận Tân Bình, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 40%
2. Công Ty Cổ Phần TOYOTA Đông Sài Gòn.
 - Địa chỉ: 507 Xa Lộ Hà Nội, Quận 2, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 35,16%
3. Công Ty Cổ Phần DANA.
 - Địa chỉ: 56 Điện Biên Phủ, Quận Thanh Khê, Tp.Đà Nẵng
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 40,27%
4. Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tổng Hợp Bến Thành SAVICO.
 - Địa chỉ: 17-19 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 37,33%
5. Công Ty TNHH Dịch Vụ Sài Gòn.
 - Địa chỉ: 115 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 49%
6. Công ty Cổ Phần Siêu Xe
 - Địa chỉ: Số 2 Trường Sơn, Quận Tân Bình, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 37,5%
7. Công ty TNHH SAVICO – Vinaland
 - Địa chỉ: 115-117 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, Tp.HCM
 - Tỷ lệ phần sở hữu là: 49,5%

II. Kỳ TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức nhật ký chung trên máy vi tính

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận theo thông tư 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài Chính.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	6 – 42
Máy móc thiết bị	4 – 8
Phương tiện vận tải	5 - 6
Thiết bị dụng cụ quản lý	2 - 7

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của một bất động sản đầu tư bao gồm giá mua bất động sản, chi phí cho quyền sử dụng đất và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên tiêu chuẩn hoạt động đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 6 đến 22 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty là giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ. Công cụ dụng cụ chờ phân bổ là các chi phí công cụ xuất dùng một lần nhưng liên quan tới nhiều chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh.

9. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không vượt quá 1/2 quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực được.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày lập báo cáo tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

14. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận là một phần riêng biệt của Tập đoàn, cung cấp các sản phẩm hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận kinh doanh), hoặc cung cấp các sản phẩm hàng hóa hay dịch vụ trong một môi trường kinh tế đặc trưng (khu vực địa lý), trong đó các rủi ro và kết quả thu được khác với các bộ phận khác. Bộ phận chính yếu của Tập đoàn là bộ phận kinh doanh. Tập đoàn hoạt động tại Việt Nam, là moat khu vực địa lý duy nhất. Ban giám đốc cho rằng các bộ phận kinh doanh, ngoài trừ bộ phận kinh doanh thương mại, là không đáng kể và không phải là những bộ phận cần báo cáo riêng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
D1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền mặt	4.478.910.547	3.145.997.075
Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Tổng Hợp Sài Gòn - SAVICO	2.196.349.655	1.000.725.198
Công Ty TNHH Đông Đô Thành	1.293.231.283	402.079.493
Công Ty TNHH Sài Gòn Ôtô	67.900.848	68.519.149

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công Ty TNHH TMDV Tự Động Savico	295.564.603	641.627.914
Công Ty Liên Doanh TOYOTA Giai Phóng	164.063.117	146.198.877
Công Ty TNHH TMDV Sài Gòn	45.581.948	29.234.775
Công Ty Cổ Phần Sài Gòn Ngôi Sao	338.373.431	721.423.114
Công ty CP SAVICO Hà Nội	20.881.634	
Công Ty TNHH ô tô TOYOTA Cần Thơ	56.964.028	136.188.555
Tiền gửi ngân hàng	44.526.980.462	89.519.248.012
Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Tổng Hợp Sài Gòn - SAVICO	8.083.615.906	16.265.059.694
Công Ty TNHH Đông Đô Thành	1.258.897.810	6.578.836.066
Công Ty TNHH Sài Gòn Ô tô	979.503.040	2.032.503.781
Công Ty TNHH TMDV Tự Động Savico	82.124.207	186.620.563
Công Ty Liên Doanh TOYOTA Giai Phóng	27.300.706.708	20.846.747.937
Công Ty TNHH TMDV Sài Gòn	632.658.531	90.159.564
Công Ty Cổ Phần Sài Gòn Ngôi Sao	3.689.120.541	2.249.130.823
Công ty CP SAVICO Hà Nội	1.687.089.632	38.526.009.248
Công Ty TNHH ô tô TOYOTA Cần Thơ	813.264.087	2.744.180.336
Tiền đang chuyển	-	1.939.000.000
Các khoản tương đương tiền		
Cộng	49.005.891.009	94.604.245.087

D2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	63.455.820.552	86.030.933.900
- Đầu tư ngắn hạn khác	1.000.000.000	-
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(20.528.941.608)	(2.110.850.000)
Cộng	43.926.878.944	83.920.083.900

Thuyết minh chi tiết đầu tư chứng khoán ngắn hạn:

STT	Mã CK	Gía trị
1	CII (trái phiếu)	1.000.000.000
2	TCM	61.720
3	Thuduchouse	12.800.732.088
4	SPT	4.903.850.000
5	BH Toàn Cầu	6.300.000.000
6	Constrexim 2	14.000.000.000
7	Merufa	3.000.000.000

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8	Dược OPC	15.709.000.000
9	Toàn Thịnh Phát	2.130.600.000
10	DCC	135.416.667
11	HPC	189.796.600
12	REE	1.023.521.739
13	SJS	1.651.125.000
14	SSI	779.500.000
15	STB	832.216.738
Tổng cộng		64.455.820.552

- Khoản tiền 20.528.941.588 đồng dùng để dự phòng cho 203.500 cổ phiếu TDH, 136.500cp OPC (loại cổ phiếu đã niêm yết).
- Phần còn lại của đầu tư chứng khoán ngắn hạn là các loại cổ phiếu chưa được niêm yết - hiện tại chưa có quy định về việc trích lập dự phòng cho các loại cổ phiếu này.

D3. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu về cổ phần hoá	-	391.583.954
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
- Phải thu người lao động	-	417.149.114
- Phải thu khác (*)	17.729.931.702	44.653.597.304
Cộng	17.729.931.702	45.462.330.372

(*): Các khoản phải thu khác 17.729.931.702 đồng, trong đó:

- ✓ 11.237.295.000 đồng – đây là khoản ứng vốn từ Ngân hàng HSBC thông qua Công ty để hỗ trợ cho CBNV vay mua cổ phiếu theo Chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động.

D3.1. Trả trước cho người bán.

Trả trước người bán 124.275.400.502 đồng, trong đó:

- ✓ Mua nhà 66 NKK, Q1: 57.306.554.900 đồng – hiện Công ty đang sử dụng làm Văn phòng tạm và xúc tiến thủ tục lập dự án..
- ✓ Mua 5.424 m² đất tại phường Cái Răng, Cần Thơ (nam Cần Thơ): 37.953.702.000 đồng – Công ty đã đưa vào đầu tư, thành lập đại lý phân phối ô tô Toyota (Công ty TNHH Ô tô Toyota Cần Thơ).
- ✓ Mua đất tại QL13 : 5.500.000.000 đồng

D4. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	1.120.401.455	37.637.534
- Công cụ, dụng cụ	9.390.832	-
- Chi phí SX, KD dở dang	1.830.142.096	1.161.905.260

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Thành phẩm	54.225.892	-
- Hàng hóa	75.679.301.169	63.116.741.308
- Hàng gửi đi bán	-	134.489.961
Cộng giá gốc hàng tồn kho	78.693.461.444	64.450.774.063
D5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.600.000	1.600.000
- Các khoản khác phải thu Nhà nước	10.503.773	414.039.409
Cộng	12.103.773	415.639.409

D6. Phải thu dài hạn nội bộ*Không phát sinh.***D7. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	20.230.387.330	-
- Các khoản tiền nhận ủy thác	-	-
- Cho vay không có lãi	-	-
- Phải thu dài hạn khác (**)	17.081.269.503	-
Cộng	37.311.656.833	

(*): Đây là khoản tiền ký quỹ thuê đất dài hạn, trong đó bao gồm 19.258.622.080 đồng là tiền thuê đất 20 năm của Công ty TOYOTA Giải Phóng khi thành lập chi nhánh mới.

(**): 11.237.295.000 đồng – đây là khoản ứng vốn từ Ngân hàng HSBC thông qua Công ty để hỗ trợ cho CBNV vay mua cổ phiếu theo Chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động với thời hạn thanh toán đến 2010.

D8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ Hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	18.796.246.276	20.770.555.225	7.683.487.857	416.975.319	47.667.264.677
Mua trong kỳ	-	1.938.617.656	1.788.831.143	55.672.729	3.783.121.528
Đầu tư XDCB hoàn thành	2.421.425.192	-	-	-	2.421.425.192
Chuyển sang BĐS đầu tư	(194.919.603)	-	-	-	(194.919.603)
Thanh lý, nhượng bán	(5.039.325.525)	(648.665.146)	(2.754.708.232)	-	(8.442.698.903)
Số cuối kỳ	15.983.426.340	22.060.507.735	6.717.610.768	472.648.048	45.234.192.891
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	11.609.310.503	7.976.689.915	3.870.303.257	364.707.243	23.821.010.918
Khấu hao trong kỳ	1.978.525.301	2.428.653.056	804.894.908	73.425.281	5.285.498.546
Giảm trong kỳ	(2.770.769.365)	(282.823.414)	(1.421.997.724)	-	(4.475.590.503)

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ Hữu hình khác	Cộng
Số cuối kỳ	10.817.066.439	10.122.519.557	3.253.200.441	438.132.524	24.630.918.961
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	7.186.935.773	12.793.865.310	3.813.184.600	52.268.076	23.846.253.759
Số cuối kỳ	5.166.359.901	11.937.988.178	3.464.410.327	34.515.524	20.603.273.930

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.139.246.834 đồng

D9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**D10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	4.472.464.000	127.462.000	4.599.926.000
Tăng trong kỳ	46.699.438.910	501.154.750	47.200.593.660
Giảm trong kỳ			
Số cuối kỳ	51.171.902.910	628.616.750	51.800.519.660
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.059.655.182	14.164.554	2.073.819.736
Khấu hao trong kỳ	235.392.840	42.487.324	277.880.164
Giảm trong kỳ			
Số cuối kỳ	2.295.048.022	56.651.878	2.351.699.900
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2.412.808.818	113.297.446	2.526.106.264
Số cuối kỳ	48.876.854.888	571.964.872	49.448.819.760

D11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Hoàn thành chuyển BĐSDT trong kỳ	Số cuối kỳ
Dự án Khu nhà ở Tam Bình - Hiệp Bình Phước	57.554.843.933	6.151.738.494	-	63.706.582.427
Dự án khu du lịch Bãi Trẹm - Đà Nẵng	16.798.407.100	1.235.681.818	-	18.034.088.918
Công trình Cao ốc văn phòng 277 - 279 Lý Tự Trọng.	1.401.612.282	1.613.392.742	-	3.015.005.024
Công trình văn phòng 35 Đồng Khởi	294.862.808	3.109.186.013	-	3.404.048.821

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Hoàn thành chuyển BĐSĐT trong kỳ	Số cuối kỳ
Dự án Hồ Tràm, Xuyên Mộc	166.284.765	67.868.818	-	234.153.583
Công trình 104 Phở Quang, Q. Tân Bình	3.276.675.970	1.471.191.159	-	4.747.867.129
Công trình 555 Trần Hưng Đạo, Quận 1	313.765.683	5.933.378.191	6.247.143.874	-
Dự án khách sạn và Bãi đỗ xe Gia Thụy, Hà Nội	12.922.353.628	2.125.267.341	-	15.047.620.969
Khu đất tại Hưng Phú, Cần Thơ	764.744.685	-	-	764.744.685
Dự án TTTM 91 Pasteur	63.153.636	731.291.727	-	794.445.363
Công trình 54-56 Đồng Khởi	915.461.422	535.515.678	-	1.450.977.100
Dự án văn phòng 48-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa Quận 1	14.968.320.578	51.913.181.571	62.212.464.049	4.669.038.100
Dự án 9-15 Lê Minh Xuân (Titco-Savico-KHahomex)	300.000.000	354.441.000	-	654.441.000
Dự án khu căn hộ tại An Sương-Trung Mỹ Tây.	80.909.091	-	-	80.909.091
Dự án Cao ốc văn phòng 15/3 Trần Hưng Đạo	5.107.878.273	-	5.107.878.273	-
Dự án TTTM tại Quốc Lộ 13	-	143.095.481.862	-	143.095.481.862
Dự án tại Nam Cần Thơ - Phú Tứ, Cái Răng, Cần Thơ	-	4.886.489.666	-	4.886.489.666
Dự án trung tâm ô tô tại Cần Thơ	-	912.348.521	-	912.348.521
Cộng	114.929.273.854	224.136.454.601	73.567.486.196	265.498.242.259

Thuyết minh cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

+ Dự án số 277:279 Lý Tự Trọng, Q.1	: Đã khởi công xây dựng và đang đ/c GPXD từ VP cho thuê sang khách sạn
+ Dự án Tam Bình – Hiệp Bình Phước	: Đang xin điều chỉnh mật độ dân số và hệ số sử dụng đất từ 1.96 lên 3.06.- 3.59.
+ Dự án Bãi Trẹm – Đà Nẵng	: Đang thi công tường rào và đưa vào khai thác một số hạng mục để thu tiền ngay, đồng thời đang chọn lựa đối tác đầu tư toàn bộ dự án.
+ Dự án cao ốc 35 Đồng Khởi	: Đang tiến hành nghiệm thu, quyết toán và đã ký HĐ cho thuê toàn bộ cao ốc.
+ Dự án Hồ Tràm – Xuyên Mộc	: Đang tiến hành đền bù, giải tỏa
+ Dự án 104 Phở Quang	: Đang làm Thủ tục mua QSDĐ và thành lập dự án.
+ Dự án 91 Pasteur	: Đang thi công phần móng và tầng hầm
+ Đất Hưng Phú : Cần Thơ	: Đất quy hoạch, đang thoả thuận giá đền bù
+ Dự án 66:68 NKKN	: Đang xin chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc
+ Dự án 9:15 Lê Minh Xuân	: Chi phí trước dự án
+ Dự án An Sương : Trung Mỹ Tây	: Chi phí trước dự án
+ Dự án trung tâm ô tô tại QL 13	: Đang hoàn thành đưa vào sử dụng tại Công ty CP Sài Gòn Ngôi Sao, đang hoàn công.
+ Dự án trung tâm ô tô tại Cần Thơ	: Chi phí trước dự án
+ Dự án 54 : 56 Đồng Khởi	: Đang triển khai thiết kế chi tiết
+ Dự án Quốc lộ 13	: Đang thực hiện quy hoạch 1/500 và xin duyệt hệ số sử dụng đất 3.06 – 3.59
+ Dự án Nam Cần Thơ	: Sẽ kết chuyển tăng BĐS đầu tư khi hoàn tất thủ tục chuyển quyền sở hữu.

D12. Bất động sản đầu tư

Tên	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Nhà 104 Phở Quang,P.2, Q.TB	6.469.949.820			6.469.949.820

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Cao ốc 95B-97-99 Trần Hưng Đạo	3.519.974.355			3.519.974.355
Trung tâm TM Đà Nẵng	22.589.123.370			22.589.123.370
TTTM Cần Thơ		7.853.774.984		7.853.774.984
Nhà 15/3 THĐ		5.107.878.273		5.107.878.273
Công trình 555 Trần Hưng Đạo		6.247.143.874		6.247.143.874
Nhà 48 Nam Kỳ Khởi Nghĩa		14.758.366.316	14.758.366.316	-
Cộng	32.579.047.545	33.967.163.447	14.758.366.316	51.787.844.676

D13. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công Ty TNHH Đông Đô Thành	4.400.000.000	4.400.000.000
Công Ty TNHH Sài Gòn Ôtô	6.952.245.883	6.952.245.883
Công Ty TNHH TM&DV Tự Động Savico	9.900.000.000	9.900.000.000
Công Ty Liên Doanh TOYOTA Giai Phóng	9.248.504.000	9.248.504.000
Công Ty TNHH TMDV Sài Gòn	2.800.000.000	2.800.000.000
Công Ty Cổ Phần Sài Gòn Ngôi Sao	7.650.000.000	7.650.000.000
Công ty CP SAVICO Hà Nội	35.000.000.000	35.000.000.000
Công Ty TNHH ô tô TOYOTA Cần Thơ	25.309.668.000	1.632.000.000
Cộng	101.260.417.883	77.582.749.883

- Giá trị khoản đầu tư vào công ty con được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

D14. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH COMFORTDELGRO SAVICO TAXI	23.395.611.589	21.442.496.320
Công Ty Cổ Phần TOYOTA Đông Sài Gòn	26.934.037.389	27.799.233.828
Công ty TNHH TMDV Tổng Hợp Bến Thành SAVICO	1.985.847.703	1.661.028.734
Công ty TNHH TMDV Tam Bình - Thủ Đức	0	6.461.561.597
Công ty Cổ Phần DANA - DANAFORD	5.061.665.192	4.339.005.913
Công ty TNHH Dịch Vụ Sài Gòn – SSC	1.403.760.358	1.828.354.504
Công Ty Cổ Phần Siêu Xe	2.460.931.380	
Công Ty TNHH SAVICO-Vinaland	164.043.000.000	
Cộng	225.284.853.611	63.531.680.896

- Giá trị đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D15. Đầu tư dài hạn khác		
- Đầu tư cổ phiếu	319.427.750.590	291.338.245.950
- Đầu tư trái phiếu	150.000.000	1.150.000.000
- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu	-	-
- Cho vay dài hạn	-	-
- Đầu tư dài hạn vào các dự án bất động sản	115.370.276.533	111.167.821.192
Cộng	434.948.027.123	403.656.067.142

- Thuyết minh các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn

STT	Mã CK	Giá trị
Savico tham gia với tư cách cổ đông sáng lập – chiến lược		
1	OCB	104.486.670.590
2	CK ORS	31.500.000.000
3	SPT	11.769.230.000
4	Tradincorp	13.500.000.000
5	VietThai	8.042.676.000
6	Cty B.T Long Hải	6.450.000.000
7	Cty B.T Non nước	6.000.000.000
Savico tham gia đầu tư theo lĩnh vực – ngành nghề		
1	BenThanh (TSC)	3.289.960.000
2	Searefico	11.467.000.000
3	Việt Á	83.079.300.000
4	NH EXIM	3.375.100.000
5	Vietcombank	21.210.000.000
6	Sabeco	14.000.000.000
7	Công ty Cổ Phần Vật T Ngân hàng (BMC)	242.550.000
8	Cộng ty CP Kim Khố Thăng Long	221.464.000
9	Công ty CP Cơ khí Vinh	488.800.000
10	Công ty Vận Tải Hành Khách số 14	305.000.000
11	Công trái GD	150.000.000
Tổng cộng		319.577.750.590

Công ty góp vốn sáng lập vào Công ty Bến Thành – Long Hải và Bến Thành – Non Nước, đến nay 02 Công ty trên đã chuyển thành công ty cổ phần, nhưng chưa phát hành cổ phiếu.

- Chi tiết góp vốn vào các dự án Bất Động Sản:

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên Dự án	31/12/2008	Nội dung
Dự án Khu Du lịch sinh thái Cần Giờ	50.000.000	Góp vốn với Tổng Cty Bến Thành thực hiện dự án khu du lịch sinh thái tại huyện Cần Giờ
Dự án khu nhà ở phường Bình An, Q2	39.855.606.189	Góp vốn với Cty CP PT Nhà Thử Đức thực hiện dự án Khu nhà ở tại phường Bình An, Quận 2 có diện tích 6,5 ha.
Dự án Long Hòa - Cần Giờ	56.528.176.598	Góp vốn với Cty CP FIDECO thực hiện dự án khu nhà ở tại xã Long Hòa – Cần Giờ có diện tích hơn 30 ha.
Dự án 56 Bến Vân Đồn	18.936.493.746	Góp vốn với Cty CP XNK Khánh Hội thực hiện dự án có diện tích 3.010,4 m ² tại 56 Bến Vân Đồn và 20/57 Nguyễn Trường Tộ, Quận 4.
Cộng	115.370.276.533	

D16. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí thành lập doanh nghiệp	-	29.160.486
- Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn	-	-
- Chi phí cho giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ vô hình	343.477.991	-
- Chi phí trả trước dài hạn	1.721.486.640	1.191.923.595
Cộng	2.064.964.631	1.221.084.081

D17. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng Công Thương (*)		39.106.251.622
Ngân hàng TMCP Phương Nam		48.000.000.000
Công Ty Tài Chính Dầu Khí		42.500.000.000
Công Ty TNHH Dịch Vụ Sài Gòn	1.800.000.000	1.800.000.000
Công Ty TNHH Flagship Việt nam		-
Ngân hàng TMCP Phương Đông	44.991.000.000	150.970.000.000
Ngân hàng HSBC	22.849.455.027	7.073.801.555
Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Phương Đông	19.500.000.033	51.591.500.000
Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam		1.470.000.000
Ngân hàng ANZ		112.000.000.000
Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín		23.900.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội	4.000.000.000	
Cộng vay ngắn hạn	93.140.455.060	478.411.553.177
Vay dài hạn đến hạn trả		
Ngân hàng Công Thương	7.776.000.000	1.776.000.000
Ngân hàng HSBC	12.500.000.000	
Ngân hàng Ngoại thương	1.996.663.200	
Cộng vay và nợ ngắn hạn	115.383.118.260	480.187.553.177

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**D18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	2.393.577.295	1.603.776.927
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.537.393.506	4.186.797.020
- Thuế thu nhập cá nhân	16.632.574	1.508.055.365
- Thuế tài nguyên	-	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-
- Các loại thuế khác	2.018.156.957	578.228.228
Cộng	13.965.760.332	7.876.857.540

D19. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Trích trước hoạt động kinh doanh	1.779.651.306	2.114.378.543
- Trích trước các khoản lãi repo cổ phiếu	4.140.967.012	-
- Trích trước lãi sử dụng vốn	-	5.338.360.424
- Trích trước khác	5.722.835.819	424.168.710
Cộng	11.643.454.137	7.876.907.677

D20. Phải trả phải nộp khác

- Kinh phí công đoàn	412.100.694	949.562.461
- Bảo hiểm xã hội	178.407.822	319.084.992
- Bảo hiểm y tế	13.198.395	10.950.804
- Phải trả về cổ phần hoá	19.461.651.862	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Doanh thu chưa thực hiện	1.028.271.155	356.093.229
- Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	47.583.306.383	40.427.561.685
Cộng	68.697.589.091	42.063.253.171

(*): Các khoản phải trả khác 47.583.306.383 đồng, trong đó

+ Công ty New City Properties Development Co.,LTD ứng trước 10% khoản vốn góp đầu tư vào dự án 104 Phố Quang, tương đương 14.578.200.000 đồng.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**D21. Phải trả dài hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	13.009.997.192	6.853.744.660
- Doanh thu chưa thực hiện	98.764.380.000	
- Khoản nhận góp vốn đầu tư các DA	27.598.400.000	
Cộng	139.372.777.192	6.853.744.660

D22. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng Công Thương	44.014.440.879	8.316.000.000
Ngân hàng HSBC (*)	12.500.000.000	
Ngân hàng Ngoại Thương	3.430.000.000	
Ngân hàng Phương Đông	192.000.000.000	671.300.000
Ngân hàng SACOMBANK	84.992.081.000	
Ngân hàng Tokyo Mitsubishi	14.200.000.000	
Cộng	351.136.521.879	8.987.300.000

(*) Khoản vay Ngân hàng HSBC 12.500.000.000 đồng là khoản vay hộ cho CBNV Công ty mua cổ phiếu Savico phát hành thêm theo Chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động (có hợp đồng giữa Công ty và CBNV), phần lãi vay và nợ gốc trả cho HSBC được thu lại từ CBNV.

D23. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Số đầu năm	1.906.001.721
Giá trị các khoản lỗ được ghi nhận năm 2008	1.113.926.726
Số cuối kỳ	3.019.928.447

D24. Vốn chủ sở hữu**D24.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số đầu 01/01/2007	128.734.100.000		(2.801.612.500)	3.987.290.914	1.627.184.098	45.041.309.057
Phát hành cổ phiếu trong năm 2007	20.000.000.000	120.000.000.000				
Lợi nhuận sau thuế năm 2007						65.821.587.337
Phân bổ các quỹ				8.111.253.009	1.744.721.131	(13.285.125.872)
Cổ tức						(22.949.489.000)
Phân bổ kinh phí hoạt động HĐQT						(919.527.314)
Giảm trừ khác						(92.233.686)
Sử dụng quỹ						

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư 31/12/2007	148.734.100.000	120.000.000.000	(2.801.612.500)	12.098.543.923	3.371.905.229	73.616.520.522
Số dư 01/01/2008	148.734.100.000	120.000.000.000	(2.801.612.500)	12.098.543.923	3.371.905.229	73.616.520.522
Phát hành cổ phiếu trong năm 2008	54.876.300.000					
Lợi nhuận sau thuế năm						50.043.382.226
Tăng khác		60.876.300.000	(743.133.777)	4.123.613.339	3.272.815.027	13.968.710.544
Chia cổ tức 2008.						
Giảm trong 2008.				(387.086.260)	(380.832.098)	(62.439.150.404)
Số dư 31/12/2008	203.610.400.000	180.876.300.000	(3.544.746.277)	15.835.071.002	6.263.888.158	75.189.462.888

D24.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	67.418.930.000	50.564.200.000
Vốn góp của các cổ đông	136.191.470.000	98.169.900.000
Cộng	203.610.400.000	148.734.100.000

D24.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
Vốn góp đầu kỳ	148.734.100.000	148.734.100.000
Vốn góp tăng trong kỳ	54.876.300.000	
Vốn góp giảm trong kỳ		
Vốn góp cuối kỳ	203.610.400.000	148.734.100.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	32.107.232.409	

D24.4. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.361.040	14.873.410
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.361.040	14.676.170
- Cổ phiếu phổ thông	20.361.040	14.676.170
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	221.061	197.240
- Cổ phiếu phổ thông	221.061	197.240
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.139.979	14.676.170
- Cổ phiếu phổ thông	20.139.979	14.676.170
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

D24.5. Các quỹ của doanh nghiệp

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

D25. Nguồn kinh phí và quỹ khác**D26. Tài sản thuê ngoài****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	<u>Quý IV/2008</u>	<u>Quý IV/2007</u>
D1. Doanh thu		
<i>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>		
- Doanh thu bán hàng	503.290.833.497	742.956.402.191
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.206.104.624	8.170.802.946
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu:</i>		
- Thuế GTGT theo PP trực tiếp	21.180.500	
- Hàng bán bị trả lại	1.299.023.769	383.568.000
- Giảm giá hàng bán		
<i>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<u>523.176.733.852</u>	<u>750.743.637.137</u>
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần về bán hàng hóa	523.176.733.852	742.572.834.191
- Doanh thu thuần về bán thành phẩm		
- Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ		8.170.802.946
- Doanh thu thuần khác		
D2. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	460.080.691.149	703.229.564.045
- Giá vốn của thành phẩm đã bán		
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	13.639.358.354	6.890.578.773
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	39.013.953	
Cộng	<u>473.759.063.456</u>	<u>710.120.142.818</u>
D3. Doanh thu hoạt động tài chính		

Quý IV/2008Quý IV/2007

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lãi tiền gửi ngân hàng	1.466.941.189	97.045.899
Lãi, cổ tức được chia	31.378.205.286	7.035.335.000
Lãi bán chứng khoán		25.068.688.139
Lãi chênh lệch tỷ giá	220.546.924	40.959.953
Thu hoạt động tài chính khác (*)	6.610.823.127	(664.920.000)
Cộng	39.676.516.526	24.541.773.991

(*): Trong quý 4/2008, Công ty chuyển nhượng phần vốn góp vào Công Ty TNHH Tam Bình – Thủ Đức và thu được khoản lợi nhuận 6.600.000.000 đồng.

D4. Chi phí tài chính

	Quý IV/2008	Quý IV/2007
Chi phí lãi vay	24.044.462.092	6.375.267.457
Chi phí mua bán chứng khoán	470.000	871.509.994
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư	2.630.200.000	
Lỗ chênh lệch tỷ giá	26.587.195	84.990.350
Chi phí tài chính khác		(6.816.849.035)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	115.498.907.863	10.700.914.078
Cộng	142.200.627.150	11.215.832.844

D5. Thu nhập khác

	Quý IV/2008	Quý IV/2007
Thu bán thanh lý TSCĐ		238.136.364
Tiền hỗ trợ của nhà cung cấp	9.559.904.701	3.667.290.794
Chênh lệch góp vốn liên doanh	99.086.050.000	
Thu nhập khác	2.101.181.401	293.535.559
Cộng	110.747.136.102	4.198.962.717

D6. Chi phí khác

	Quý IV/2008	Quý IV/2007
Chi phí thanh lý TSCĐ	3.386.910.023	969.976.780
Phạt vi phạm hợp đồng	410.828.611	21.299.087
Chi phí khác	668.865.432	
Cộng	4.466.604.066	991.275.867

D7. Chi phí thuế TNDN hoãn lại

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi nhuận / (lỗ) kế toán trước thuế	27.112.563.640
Thu nhập không chịu thuế	37.599.332.396
Tổng thu nhập/(lỗ) chịu thuế (14%)	
Tổng thu nhập/(lỗ) chịu thuế (28%)	(1.181.061.670)
Hoàn chi phí thuế TNDN hoãn lại đã trích	3.641.118.392
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	3.310.421.125

D8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý IV/2008	Quý IV/2007
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.382.497.416	16.909.081.502
Thu nhập thuộc các cổ đông thiểu số	901.719.654	3.442.541.699
Thu nhập thuộc các cổ đông của công ty mẹ	8.480.777.762	13.466.539.803
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	20.142.839	14.676.170
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	421	918

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Quý IV/2008	Quý IV/2007
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.154.852	14.676.170
Mua lại làm cổ phiếu quỹ 03/10/2008	(1.794)	
Mua lại làm cổ phiếu quỹ 04/10/2008	(2.156)	
Mua lại làm cổ phiếu quỹ 09/10/2008	(3.013)	
Mua lại làm cổ phiếu quỹ 13/10/2008	(1.697)	
Mua lại làm cổ phiếu quỹ 01/10/2008	(1.870)	
Mua lại làm cổ phiếu quỹ 10/10/2008	(701)	
Mua lại làm cổ phiếu quỹ 14/10/2008	(781)	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	20.142.839	14.676.170

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thay đổi chính sách kế toán và các sai sót***Không phát sinh.***2. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Cuối kỳ	Đầu năm
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	27,67	40,46
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	72,33	59,54

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)***Cơ cấu nguồn vốn***

Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	58,41	62,44
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	41,59	37,56

Khả năng thanh toán

Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,24	0,67
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,99	0,57

Tỷ suất sinh lời***Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu*****Quý IV/2008 Quý IV/2007**

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	4,11	2,72
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	1,79	2,25

Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	1,58	1,90
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	0,69	1,58

<i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</i>	%	1,96	5,69
--	---	------	------

Tp.HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2009

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc**

Nguyễn Thanh Phong

Hoàng Thị Thảo

Nguyễn Vĩnh Thọ